

Bản án số: 101/2022/DS-ST
Ngày 09-8-2022
V/v trA chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Mỹ.

Ông Nguyễn Duy Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “TrA chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 263/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2022/QĐST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đ(Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường LTT, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Đ là ông Nguyễn Sơn Hà – Chức vụ: Chuyên viên phòng quản lý rủi ro - Đ- Chi nhánh An Giang, theo Giấy ủy quyền số 162/QĐ-BIDV.AG ngày 23/3/2022 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 185 LTT, khóm 5, phường Mỹ Long, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 155/4A, khóm BK 3, phường BK, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại biên bản không tiến hành hòa giải được ông Nguyễn Sơn Hà đại diện của nguyên đơn Trình bày:

Ngày 22/8/2017, ông Nguyễn Quốc A có ký với Đ- Chi nhánh L – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng (Nay là Đ- Chi nhánh An Giang) Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/10117612/HĐTD để vay số tiền 50.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/8/2020); mục đích sử dụng vốn vay để tiêu dùng; lãi suất trong hạn từ ngày 22/8/2017 đến ngày 30/9/2017 là 11%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh 06 tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được Ngân hàng thông báo vào các ngày 01/4 và ngày 01/10 hàng năm (nếu có thay đổi), lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả nợ gốc định kỳ vào ngày 18 hàng tháng, từ tháng 09/2017 đến tháng 07/2020 trả số tiền là 1.388.000 đồng/tháng, riêng ngày 22/8/2020 trả số tiền là 1.420.000 đồng, lãi theo dư nợ thực tế; lịch trả lãi trùng với ngày trả nợ gốc.

Ngày 22/8/2017 ông Nguyễn Quốc A đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/3/2019 ông Nguyễn Quốc A đã trả được số tiền gốc là 29.148.000 đồng. Từ ngày 26/3/2019 đến nay ông Nguyễn Quốc A không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn.

Do ông Nguyễn Quốc A vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Quốc A vẫn không thực hiện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 09/8/2022 là 32.529.120 đồng (trong đó: vốn gốc là 20.852.000 đồng, lãi quá hạn là 11.677.120 đồng) và yêu cầu ông A phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số dư nợ chưa trả toán cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc A vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quốc A vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Ngày 22/8/2017 ông A với Đthỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/10117612/HĐTD để vay số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 09/8/2022 ông A còn nợ Ngân hàng số tiền vốn, lãi là 32.529.120 đồng (trong đó: vốn gốc là

20.852.000 đồng, lãi quá hạn là 11.677.120 đồng). Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ chưa trả toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bảng tính lãi ngày 09/8/2022, 21/6/2022; Giấy chứng minh nhân dân của ông A (photo); Sổ hộ khẩu gia đình ông Toa; Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/10117612/HĐTD; Thủ tục ủy quyền của nguyên đơn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tra chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 22/8/2017 ông A với Đthỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/10117612/HĐTD để vay 50.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay ông A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên đã phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và yêu cầu ông A phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 09/8/2022 là 32.529.120 đồng. Bị đơn vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông Nguyễn Quốc A với Đngày 22/8/2017, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo có Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/10117612/HĐTD cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp

là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Xét, Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thA toán vốn, lãi tính đến ngày 09/8/2022 là 32.529.120 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ chưa thA toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Nguyễn Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thA toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Đkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc A.

- Buộc ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ trả cho Đsố tiền vốn, lãi tính đến ngày 09/8/2022 là 32.529.120 đồng (trong đó: vốn gốc là 20.852.000 đồng, lãi quá hạn là 11.677.120 đồng).

- Ông Nguyễn Quốc A còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 20.852.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 10/8/2022 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Quốc A phải chịu 1.626.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 743.000 đồng theo Biên lai thu số: 0001197 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Mỹ Nguyễn Duy Thụy

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: A Lê ThA Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “trA chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- A Lê ThA Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: A Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi